

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU ĐỨC
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 27-7-2022

V/v “tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU ĐỨC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Văn Tiến.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Hạnh;

Ông Bùi Huy Xuân

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Hiệp - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Bích - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Đức tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 217/2022/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2022 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2022/QĐXX-HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Diệu Ngọc A, sinh năm:1980; Có mặt.

Hộ khẩu thường trú: Thôn Q, xã N, huyện C, tỉnh B.

Chỗ ở hiện nay: Tổ 11, thôn Đ, xã S, huyện C, tỉnh B.

Bị đơn: Ông Bùi Đình T, sinh năm: 1974; Có mặt.

Địa chỉ: Thôn Q, xã N, huyện C, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các biên bản làm việc tại Tòa án, nguyên đơn bà Diệu Ngọc A, trình bày:

Bà Diệu Ngọc A và ông Bùi Đình T tự nguyện kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn hợp pháp ngày 21 tháng 03 năm 2002 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện C, tỉnh B.

Thời gian đầu vợ chồng bà A và ông T chung sống với nhau hạnh phúc đến năm 2021 thì xảy ra mâu thuẫn. Trong quá trình chung sống thường xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bà A và ông T bất đồng quan điểm sống, ông T không tin tưởng bà A, luôn ghen tuông vô cớ vì vậy vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, nhiều lần ông T xúc phạm bà A, có lần ông T còn đánh bà A, vì vậy cuộc sống vợ chồng luôn ở trong tình trạng căng thẳng. Đến khoảng tháng 5 năm 2021, bà A và ông T sống ly thân đến nay. Bà A đã cố gắng tìm ra nhiều giải pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không thể cứu vãn được tình trạng hôn nhân.

Nay bà A nhận thấy giữa bà A và ông T không thể nào tìm được tiếng nói chung, không thể hàn gắn lại được tình cảm với nhau để đi đến được mục đích hôn nhân. Cho nên, bà A yêu cầu ly hôn với ông Bùi Đình T.

Về con chung: Bà A và ông T có 02 người con chung là cháu Bùi Quốc T1, sinh ngày 30/06/2006 và cháu Bùi Quốc T2, sinh ngày 08/08/2002. Hiện nay cháu T2 đã đủ tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà A có nguyện vọng được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu T1 và không yêu cầu ông T phải đóng tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong các biên bản làm việc tại Tòa, và tại phiên tòa bị đơn ông Bùi Đình T, trình bày:

Ông T và bà A kết hôn với nhau có đăng ký kết hôn vào ngày 21 tháng 03 năm 2002 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện C, tỉnh B. Thời gian đầu hai vợ chồng sống hạnh phúc nhưng sau đó thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không tôn trọng lẫn nhau, không quan tâm lo lắng cho nhau, nhiều lúc ông T đau bệnh bà A không lo lắng, chăm sóc, đám giỗ bố ông T thì bà A không đến. Việc bà A cho rằng ông T có đánh bà A 02 lần là không đúng, chỉ có một lần ông T có lấy nón bảo hiểm đập vào đầu của bà A lúc đó bà A cũng đang đội nón bảo hiểm, ngoài ra không đánh lần nào khác. Ông T cảm thấy tình cảm vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, không thể hàn gắn được nhưng ông T không đồng ý ly hôn, ông T chỉ đồng ý ly hôn khi ông T và bà A thỏa thuận được về việc phân chia tài sản chung.

Về con chung: Ông Bùi Đình T và bà Diệu Ngọc A có 02 người con chung là cháu Bùi Quốc T1, sinh ngày 30/06/2006 và cháu Bùi Quốc T2, sinh ngày 08/08/2002. Hiện nay cháu T2 đã đủ tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) không yêu cầu Tòa án giải quyết. Trước khi mở phiên tòa ông T đồng ý giao cho bà Diệu Ngọc A

được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu T1 và ông T không cấp dưỡng nuôi con chung. Tuy nhiên tại phiên tòa ông T có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu T1.

Về tài sản chung và nợ chung: **Ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.**

Trong biên bản ghi nhận ý kiến nguyện vọng của người có quyền lợi, lợi ích được bảo vệ cháu Bùi Quốc T1 ghi nhận được nguyện vọng của con chung: Nếu ông T và bà A ly hôn thì cháu T1 có nguyện vọng được sống chung với bà A.

Kết quả thu thập chứng cứ: Theo kết quả xác minh ngày 28/6/2022, tại địa phương, nơi sinh sống của bà A, ông T ghi nhận được nội dung sau: Thời gian đầu bà A và ông T chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc nhưng đến khoảng đầu năm 2021 thấy bà A và ông T thường xuyên mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn cụ thể thì người cung cấp nội dung xác minh không biết, tuy nhiên thường xuyên thấy ông T không quan tâm đến vợ con, vợ chồng thường xuyên to tiếng, có lần ông T còn đốt đồ đạc, đuổi bà A ra khỏi nhà. Hiện nay bà A và ông T đang sống ly thân.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật của người tiến hành tố tụng, tham gia tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án:

Về việc chấp hành pháp luật của những người tiến hành tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Châu Đức thụ lý vụ án đúng theo thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật về nội dung tranh chấp, thu thập đầy đủ chứng cứ và xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự. Hội đồng xét xử thực hiện đúng nguyên tắc xét xử trong phiên tòa sơ thẩm.

Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn bà Diệu Ngọc A.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Diệu Ngọc A và ông Bùi Đình T có đăng ký kết hôn, nay bà A xin ly hôn nên đây là tranh chấp về ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Hiện bị đơn ông Bùi Đình T đang cư trú tại xã N, huyện C, tỉnh B, căn cứ vào các Điều 28, Điều

35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Châu Đức.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Diệu Ngọc A và ông Bùi Đình T kết hôn với nhau trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 21 tháng 03 năm 2002 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện C, tỉnh B. Thời gian đầu chung sống với nhau hạnh phúc, nhưng đến năm 2021 thì nảy sinh mâu thuẫn.

Theo bà Diệu Ngọc A thì nguyên nhân mâu thuẫn là do bà A và ông T bất đồng quan điểm sống, ông T không tin tưởng bà A, luôn ghen tuông vô cớ vì vậy vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, nhiều lần ông T xúc phạm bà A, có lần ông T còn đánh bà A, đuổi bà A ra khỏi nhà vì vậy cuộc sống vợ chồng luôn ở trong tình trạng căng thẳng. Đến khoảng tháng 5 năm 2021, bà A và ông T sống ly thân đến nay. Bà A đã cố gắng tìm ra nhiều giải pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả. Nay bà A nhận thấy giữa bà A và ông T không tìm được tiếng nói chung, không thể hàn gắn được tình cảm vợ chồng, nên bà A yêu cầu được ly hôn với ông Bùi Đình T.

Theo ông Bùi Đình T thì nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không tôn trọng lẫn nhau, không quan tâm lo lắng cho nhau, nhiều lúc ông T đau bệnh bà A không lo lắng, chăm sóc, đám giỗ bố ông T thì bà A không đến. Việc bà A cho rằng ông T có đánh bà A hai lần là không đúng, chỉ có một lần ông T có lấy nón bảo hiểm đập vào đầu của bà A lúc đó bà A cũng đang đội nón bảo hiểm. Việc bà A cho rằng ông T thường xuyên bài bạc là không đúng, ông T chỉ đánh bài giải trí với anh em vào những lúc đám tiệc hoặc thứ 7, chủ nhật thôi. Ông T cảm thấy tình cảm vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, nhưng vẫn có nguyện vọng được hàn gắn, ông T không đồng ý ly hôn, ông T chỉ đồng ý ly hôn khi ông T và bà A thỏa thuận được về việc phân chia tài sản chung.

Kết quả thu thập chứng cứ: Theo kết quả xác minh ngày 28/6/2022, tại địa phương, nơi sinh sống của bà A, ông T ghi nhận được nội dung sau: Thời gian đầu bà A và ông T chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc nhưng đến khoảng đầu năm 2021 thấy bà A và ông T thường xuyên mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn cụ thể thì người cung cấp nội dung xác minh không biết, tuy nhiên thường xuyên thấy ông T không quan tâm đến vợ con, vợ chồng thường xuyên to tiếng, có lần ông T còn đốt đồ đạc, đuổi bà A ra khỏi nhà. Hiện nay bà A và ông T đang sống ly thân.

Sau khi thụ lý đơn yêu cầu ly hôn của bà Diệu Ngọc A Tòa án đã tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân, mâu thuẫn vợ chồng và mở phiên hòa giải để cho ông T, bà A hàn gắn lại tình cảm vợ chồng nhưng hòa giải đoàn tụ không thành, bà A vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với ông T.

Hội đồng xét xử căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn thì nhận thấy cả nguyên đơn và bị đơn đều xác định giữa bà A và ông T có mâu thuẫn trầm trọng, hiện nay ông T và bà A đang sống ly thân. Nội dung các đương sự xác nhận nêu trên trùng khớp với nội dung xác minh tình trạng hôn nhân giữa ông T và bà A tại địa phương nơi ông T, bà A sinh sống. Việc ông T không đồng ly hôn vì lý do chưa thỏa thuận được về việc phân chia tài sản chung là không thỏa đáng.

Căn cứ lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn và kết quả xác minh thu thập chứng cứ tại địa phương nhận thấy, có cơ sở xác định mâu thuẫn vợ chồng của nguyên đơn và bị đơn là trầm trọng, cả hai đều không có tiếng nói chung, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình chấp nhận cho bà A được ly hôn với ông T.

[3] Về con chung: Bà Diệu Ngọc A và ông Bùi Đình T có 02 người con chung là cháu Bùi Quốc T1, sinh ngày 30/06/2006 và cháu Bùi Quốc T2, sinh ngày 08/08/2002. Hiện nay cháu T2 đã đủ tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà Diệu Ngọc A có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Bùi Quốc T1, bà A không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung. Trước khi mở phiên tòa ông Bùi Đình T đồng ý giao cho bà Diệu Ngọc A được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu T1 và ông T không cấp dưỡng nuôi con chung. Tại phiên tòa ông T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T1. Cháu Bùi Quốc T1 có nguyện vọng được ở với bà A.

Xét thấy bà A có nơi ở và thu nhập ổn định, có việc làm tại nơi ở nên có điều kiện chăm sóc con tốt hơn, bên cạnh đó từ khi ông T và bà A ly thân thì bà A là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu T1 và vẫn chăm lo cho cháu có đời sống, sinh hoạt bình thường, đồng thời cháu T1 cũng có nguyện vọng được sống chung với bà A. Vì vậy, thấy yêu cầu của bà A là có căn cứ nên chấp nhận giao cháu T1 cho bà A trực tiếp nuôi dưỡng;

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Vì bà Diệu Ngọc A không yêu cầu ông Bùi Đình Thuận cấp dưỡng nuôi con chung, nên Hội đồng xét xử nhận thấy cần ghi nhận sự tự nguyện của bà A là không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Vì bà Diệu Ngọc A và ông Bùi Đình T không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét về tài sản chung và nợ chung.

[6] Về án phí: Bà Diệu Ngọc A phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5, Điều 28, Điều 35, Điều 39 và Điều 238, Điều 244 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án, lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Xử cho bà Diệu Ngọc A được ly hôn với ông Bùi Đình T.

Về con chung: Bà Diệu Ngọc A được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 01 người con chung là cháu Bùi Quốc T1, sinh ngày 30 tháng 06 năm 2006.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Bùi Đình T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Bùi Đình T được quyền thăm nom, chăm sóc con chung mà mình không trực tiếp nuôi dưỡng không ai được quyền ngăn cản.

Vì lợi ích của con theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 luật hôn nhân gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

Về án phí: Bà Diệu Ngọc A phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí đối với yêu cầu ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số **0007947**, ngày 18 tháng 5 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Bà Diệu Ngọc A đã nộp xong án phí sơ thẩm.

Hạn kháng cáo 15 ngày kể từ ngày tuyên án (**27/7/2022**) các đương sự được quyền kháng cáo.

Nơi nhận:

- TA Tỉnh;
- VKSND huyện Châu Đức;
- THADS huyện Châu Đức;
- UBND xã Nghĩa Thành;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Văn Tiến

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Văn Tiến

